

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN HIỆP  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31/5/2021

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Trần Văn Hải**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị **Đào Thị T**, sinh năm: 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Số 13, phường T, thành phố G, tỉnh G.

**\* Bị đơn:** Anh **Võ Hoàng N**, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện H, tỉnh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Đào Thị T trình bày:** Tôi và anh Võ Hoàng N quen biết, tìm hiểu, chung sống với nhau vào ngày 19 tháng 5 năm 2002, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh G ngày 13/6/2002. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu

nhau trước khoảng vài năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2013, 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N thường xuyên đi nhậu, về đến nhà thì kiểm chuyện chửi bới, thậm chí đánh tôi rồi bỏ nhà đi. Vì gia đình và con cái, tôi đã cố gắng bỏ qua nhẫn nhịn để vợ chồng được hòa thuận, nhưng càng ngày anh N càng bê tha ăn nhậu và thường xuyên bỏ nhà đi hơn. Đến năm 2015 thì anh N bỏ đi và đã chung sống với người mới, từ đó đến nay anh N không còn liên lạc gì với tôi và không thăm nom, quan tâm đến các con. Anh N không có trách nhiệm gì với vợ con. Nay tôi xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng tôi không sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Võ Đức H – sinh ngày 10/11/2002

2. Võ Đông A - sinh ngày 17/10/2008

Hiện nay các cháu đang sống chung với tôi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa chị T yêu cầu:***

- Về quan hệ hôn nhân: chị T yêu cầu được ly hôn với anh Võ Hoàng N.

- Về quan hệ con chung: Cháu H hiện đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T yêu cầu được nuôi cháu A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn anh Võ Hoàng N, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T, cho ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Võ Hoàng N. Về quan hệ con chung: đối với cháu Võ Đức H đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Giao cháu Võ Đông A - sinh ngày 17/10/2008 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị T phải nộp 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Hoàng N với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh N vắng mặt. Xét thấy anh N đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh G, giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 13/6/2002 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T cho rằng Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N thường xuyên đi nhậu, về đến nhà thì kiểm chuyện chửi bới, thậm chí đánh chị T rồi bỏ nhà đi. Vì gia đình và con cái, chị T đã cố gắng bỏ qua nhẫn nhịn để vợ chồng được hòa thuận, nhưng càng ngày anh N càng bê tha ăn nhậu và thường xuyên bỏ nhà đi hơn. Đến năm 2015 thì anh N bỏ đi và đã chung sống với người mới, từ đó đến nay anh N không còn liên lạc gì và không thăm nom, quan tâm đến các con. Anh N không có trách nhiệm gì với vợ con.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng anh N không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N và anh N cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Xét thấy thực tế giữa chị T và anh N không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay, không ai có ý muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng, xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T.

[4] Về quan hệ con chung: chị T xác nhận chị và anh N có 02 người con chung là: Võ Đức H – sinh ngày 10/11/2002 và Võ Đông A - sinh ngày 17/10/2008 hiện đang sống với chị T.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu được nuôi cháu A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu H đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “*vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét yêu cầu của chị T xin được nuôi cháu A là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với đạo đức xã hội, bởi lẽ theo nguyện vọng của cháu A là xin được sống với chị T và chị T cho rằng kinh tế của chị đủ khả năng nuôi cháu, ngoài ra từ khi chị T và anh N không sống chung với nhau thì cháu A trực tiếp sống với chị T và anh N cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin được nuôi cháu A. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được nuôi cháu A không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con của chị T.

Tiếp tục giao cháu Võ Đông A - sinh ngày 17/10/2008 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Cháu Võ Đức H – sinh ngày 10/11/2002 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí HNST: Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị T. Cho ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Võ Hoàng N.

**2. Về quan hệ con chung:** Chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của chị Đào Thị T. Tiếp tục giao cháu Võ Đông A - sinh ngày 17/10/2008 cho chị Đào Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Cháu Võ Đức H – sinh ngày 10/11/2002 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Buộc chị Đào Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0008208 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Ngọc Ái**